

ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MỸ THUẬT PHỔ THÔNG VÀ VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

| TRẦN THỊ VÂN

Email: tranvan150976@gmail.com

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW

INNOVATION PROGRAM ARTS EDUCATION GENERAL AND TRAINING TEACHERS MATTER

TÓM TẮT



ABSTRACT

Chương trình giáo dục Mỹ thuật phổ thông ban hành tháng 12/2018 được xây dựng trên cơ sở kế thừa, phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế, bất cập còn tồn tại trong chương trình hiện hành nhằm đáp ứng yêu cầu mới. Chương trình tập trung mục tiêu phát triển năng lực thẩm mỹ cho học sinh bằng cách không chỉ trang bị kiến thức mỹ thuật nền tảng mà còn chú trọng đến rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề thẩm mỹ gắn với thực tiễn đời sống. Những điểm mới của chương trình cũng là những cơ sở/căn cứ để các trường sư phạm đổi mới chương trình đào tạo giáo viên mỹ thuật đáp ứng mục tiêu đổi mới giáo dục nói chung và giáo dục nghệ thuật ở trường phổ thông nói riêng.

Từ khóa: Chương trình Mỹ thuật phổ thông, đổi mới, năng lực, đào tạo giáo viên

General fine arts education programs issued in December 2018 has been built on the basis of inheriting and promoting the advantages and overcoming the limitations and inadequacies of the current program to meet the new requirements. The program focuses on developing the aesthetic competence of students by not only equipping basic art knowledge but also focusing on improving the ability to solve aesthetic problems associated with real life. The new features of the program are also the basis/bases for pedagogical schools to renovate the art teacher training program to meet the goals of educational innovation in general and art education in high schools in particular.

Keywords: General Fine Arts Program, innovation, competence, teacher training

1. Đặt vấn đề

Xây dựng chương trình môn mỹ thuật phổ thông theo hướng hình thành và phát triển năng lực học sinh đáp ứng yêu cầu của thực tiễn giáo dục. Chương trình thể hiện rõ việc dịch chuyển mục tiêu từ định hướng nội dung/kiến thức sang mục tiêu hình thành phẩm chất và phát triển năng lực. Từ mục tiêu này, chương trình được xây dựng với cấu trúc mới về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và đánh giá kết quả học tập học sinh. Tuy nhiên, đổi mới không có nghĩa là xây dựng lại từ đầu mà trên cơ sở kế thừa chương trình hiện hành để thiết kế chương trình phù hợp, tập trung vào những điểm mới phù hợp với bối cảnh xã hội và giáo dục hiện đại. Những điểm mới trong chương trình về mục tiêu, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học và đánh giá sẽ là một trong những cơ sở để các trường sư phạm đổi mới chương trình đào tạo giáo viên mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực người học. Bài viết đề cập đến những điểm mới của chương trình và đưa ra những vấn đề về đào tạo giáo viên để đáp ứng sự đổi mới chương trình giáo dục mỹ thuật phổ thông hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chương trình giáo dục mỹ thuật

2.1.1. Chương trình hiện hành (Ban hành tháng 5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)

Tháng 5/2006, Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông gồm 23 môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có môn Mỹ thuật. Lần đầu tiên môn Mỹ thuật có một bộ chương trình, sách giáo khoa và các tài liệu dạy học một cách đồng bộ; đây là kết quả của sự nỗ lực, tâm huyết của các họa sỹ và nhà giáo.

Đặc điểm của chương trình giáo dục mỹ thuật năm 2006 là chương trình dạy học định hướng nội dung/kiến thức - trang bị cho học sinh hệ thống tri thức, kỹ năng thuộc lĩnh vực môn học. Cụ thể, chương trình được thiết kế dựa vào kết cấu đặc thù của các môn học trong chương trình mỹ thuật chuyên nghiệp; các môn cơ bản của đào tạo mỹ thuật được vận dụng vào xây dựng các phân môn và bài học cụ thể ở trường phổ thông với yêu cầu nặng về dạy kỹ năng thực hành, chưa chú trọng đến giáo dục thẩm mỹ để

EDUCATION

từ đó hình thành phát triển năng lực cho học sinh. Trong khi đó, về cơ bản giáo dục mỹ thuật phổ thông phải hướng nhiều hơn đến học cảm thụ chứ không chỉ là học kỹ năng thực hành, thậm chí trong nhiều trường hợp thực hành mỹ thuật chỉ là cầu nối cho nhận thức về cái đẹp, không nhất thiết phải hướng đến sự thành thực kỹ năng tạo hình; do vậy cả hai mục đích đó cần được cân bằng trong giáo dục.

Chương trình hiện hành được cấu trúc theo mô hình đồng tâm thể hiện những thuận lợi nhưng cũng có những hạn chế như: việc lặp đi lặp lại quá nhiều về kiến thức, kỹ năng và cả hình ảnh minh họa trong sách giáo khoa giữa các bài ở các phân môn (nhất là phân môn Vẽ theo mẫu) ở mỗi lớp, mỗi cấp tạo nên sự nhàm chán, khô cứng và đôi khi chông chéo về kiến thức, kỹ năng. Số tiết học dành cho nội dung vẽ tranh, vẽ trang trí, vẽ theo mẫu nhiều hơn so với nội dung liên quan đến điêu khắc và tạo hình không gian. Thời gian thực hiện tiết học được quy định cụ thể đối với Tiểu học và THCS. Tuy nhiên, với sĩ số lớp học đông, giáo viên (GV) mất nhiều thời gian cho tổ chức sắp xếp lớp học phù hợp yêu cầu của bài học nên thường ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả bài học.

2.1.2. Chương trình của dự án Hỗ trợ giáo dục mỹ thuật cấp Tiểu học (SAEPS)

Giai đoạn 2009 - 2014, dự án Hỗ trợ giáo dục mỹ thuật cấp Tiểu học (SAEPS) do chính phủ Đan Mạch tài trợ được thực hiện phối hợp với trường CĐSP Thái Nguyên, ĐHSP Nghệ thuật TW, Vụ GD Tiểu học - Bộ GD&ĐT đã giới thiệu, tập huấn, hỗ trợ giáo dục mỹ thuật cho các trường Tiểu học. Nội dung của SAEPS tập trung vào đổi mới phương pháp/hình thức tổ chức dạy học mỹ thuật theo hướng mở, tập trung vào người học thông qua các quy trình dạy học mỹ thuật (7 quy trình) trên cơ sở nội dung chương trình hiện hành. Điều này có nghĩa, các quy trình được vận dụng thể hiện phương pháp/hình thức tổ chức mới trên cơ sở các bài học/nội dung của chương trình hiện hành với mục tiêu phát triển năng lực cho học sinh bao gồm các năng lực: trải nghiệm, kỹ năng, kỹ thuật, biểu đạt, phân tích, giao tiếp và đánh giá. Từ kết quả thu nhận ban đầu, dự án tiếp tục mở rộng tập huấn cho các giáo viên cốt cán ở các tỉnh còn lại sau đợt tập huấn thí điểm ở các tỉnh Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hoà Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Đà Nẵng. Kết quả vận dụng phương pháp mới sau tập huấn ở các tỉnh cho thấy việc đáp ứng của điều kiện thực tế vùng miền/địa phương cũng như đối tượng học sinh với phương pháp mới vẫn là những thách thức, trở ngại đối với giáo viên.

Bên cạnh đó, đối với cấp THCS, Bộ GD&ĐT đã có những hướng dẫn giảm tải (năm 2011), đồng thời khuyến khích giáo viên và các cơ sở giáo dục vận dụng dạy học theo chủ đề trên cơ sở nội dung chương

trình hiện hành; đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh nhằm hạn chế tính hàn lâm, khô khan, cứng nhắc của chương trình mỹ thuật THCS, tiếp nối những kết quả ban đầu từ cấp Tiểu học do dự án SAEPS mang lại.

2.1.3. Chương trình giáo dục phổ thông mới (Ban hành tháng 12/2018)

Trong chương trình giáo dục mỹ thuật phổ thông được ban hành tháng 12/2018 thể hiện rõ những điểm mới trên cơ sở kế thừa, phát huy những ưu điểm của chương trình hiện hành. Chương trình thể hiện rõ mục tiêu trọng tâm là hình thành phát triển năng lực mỹ thuật - năng lực thẩm mỹ. tất nhiên đối với mỗi cấp học mục tiêu được xác định cụ thể và phù hợp. Định hướng dạy học phát triển năng lực thẩm mỹ thể hiện cụ thể ở ba thành phần năng lực: Quan sát và nhận thức; Sáng tạo và ứng dụng; Phân tích và đánh giá. Ở mỗi một năng lực thành phần đều đưa ra những yêu cầu cơ bản cho giáo viên khi tổ chức dạy học nhằm đạt được mục tiêu như sau:

Năng lực quan sát và nhận thức: Quan sát được xem là năng lực thị giác, là cách để học sinh khám phá cuộc sống cũng như trong nghệ thuật. Khi xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học, cần tạo cơ hội để học sinh được quan sát, nhận thức về đối tượng (tranh, ảnh, sự vật, hiện tượng, thiên nhiên, con người, mô hình,... ở các hình ảnh trực quan, trong thực tế đời sống và môi trường xung quanh) dựa trên phương pháp quan sát từ bao quát/tổng thể đến chi tiết/bộ phận và đối chiếu, so sánh để tìm ra đặc điểm, vẻ đẹp của đối tượng hoặc vấn đề thẩm mỹ. Tùy theo nội dung, mục đích dạy học và tâm lý lứa tuổi, khả năng nhận thức của học sinh mà cần đặt ra yêu cầu về việc quan sát một cách phù hợp. Đồng thời, tổ chức và hướng dẫn học sinh quan sát, nhận thức kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học khác nhằm thúc đẩy, phát triển ở học sinh ý thức tìm tòi, khám phá, khả năng phản ứng và nhận diện hình ảnh thẩm mỹ, kích thích tư duy, khả năng ghi nhớ và vận dụng tri thức để hình thành ý tưởng thẩm mỹ. Quan sát, nhận thức cần được liên hệ với hoạt động thực hành sáng tạo, ứng dụng thẩm mỹ cũng như thảo luận, phân tích, đánh giá thẩm mỹ trong tiến trình dạy học và vận dụng vào thực tiễn.

Năng lực sáng tạo và ứng dụng: Dạy học phát triển năng lực sáng tạo, ứng dụng thẩm mỹ là cách hướng dẫn học sinh thực hiện mô phỏng, thể nghiệm và sáng tạo hình ảnh để thể hiện nhận thức thẩm mỹ thông qua sự quan sát, trải nghiệm. Do vậy, trong tổ chức hoạt động dạy học, cần xem xét các yếu tố kích thích khả năng sáng tạo của học sinh như các kênh học tập (đa giác quan), phong cách học tập (học toàn diện, học theo thứ tự, học linh hoạt), môi trường và phương thức học tập. Đồng thời, cần khuyến khích học sinh thử nghiệm và đổi mới, kích thích tư duy, khả năng

EDUCATION

giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề. Mặt khác, cần có những hướng dẫn cụ thể để học sinh chủ động chuẩn bị sẵn sàng cho việc học tập, sáng tạo một cách phù hợp nhằm tăng cường ý thức trách nhiệm, tạo hứng thú, thúc đẩy sự hứng khởi ở học sinh. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học trong thực hành sáng tạo cần kết hợp với thảo luận nghệ thuật, phát triển năng lực quan sát, nhận thức, khả năng phân tích, đánh giá thẩm mỹ của học sinh trong tiến trình thực hiện.

Năng lực phân tích và đánh giá: Dạy học phát triển năng lực phân tích, đánh giá thẩm mỹ là cách tổ chức hoạt động học tập để học sinh được bày tỏ khả năng cảm thụ thẩm mỹ, phát triển kinh nghiệm, kỹ năng và nhận thức thẩm mỹ thông qua việc thảo luận, phân tích, đánh giá trong học tập, sáng tạo. Vì vậy, khi tổ chức dạy học, giáo viên cần kích thích hứng thú học tập của học sinh thông qua: sử dụng hệ thống các câu hỏi (Ai? Cái gì? Ở đâu? Như thế nào?...); vận dụng các phương pháp tiếp cận và khám phá nghệ thuật khác nhau (thảo luận, nêu vấn đề, biểu đạt, tái hiện, sử dụng ngôn ngữ nói/thuyết minh, viết, sử dụng thiết bị công nghệ, nguồn Internet,...); sử dụng các câu chuyện, giai thoại nghệ thuật liên quan đến tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá, nghệ thuật (lịch sử, truyền thống văn hoá, bối cảnh xã hội,...); xem xét mối liên hệ giữa kiến thức và kỹ năng, giữa ý tưởng và chất liệu, giữa đặc trưng các hình thức, thể loại mỹ thuật (yếu tố tạo hình, nguyên lý tạo hình, hình thức/thể loại 2D, 3D,...); quan tâm đến sự khác biệt và sự đa dạng về văn hoá, giới tính, sắc tộc, đặc điểm vùng miền, thời đại,... Các yếu tố này cần được cân nhắc, xem xét theo các mức độ phù hợp với từng lứa tuổi học sinh và điều kiện dạy học thực tiễn; đồng thời, cần chú ý đến mối liên hệ và tương tác giữa các thành phần năng lực khác nhau của năng lực thẩm mỹ trong toàn bộ tiến trình giáo dục.

Chương trình xây dựng theo hướng mở, không quy định chi tiết nội dung dạy học mà đưa ra yêu cầu học sinh cần đạt về năng lực, phẩm chất ở từng lớp; đồng thời định hướng về nội dung gồm: yếu tố tạo hình, nguyên lý tạo hình; thể loại; hoạt động thực hành và thảo luận; định hướng chủ đề. Như vậy, cách xây dựng chương trình đã tạo điều kiện để tác giả sách giáo khoa, các cơ sở giáo dục và giáo viên linh hoạt vận dụng, phù hợp và sáng tạo.

2.2. Đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục mới

2.2.1. Đổi mới chương trình đào tạo

Như trên đã nêu, chương trình giáo dục phổ thông mới được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực người học để hướng tới mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo. Tuy nhiên, hiện nay

chương trình đào tạo của hầu hết các trường đại học vẫn là chương trình theo định hướng tiếp cận nội dung; vì vậy, đáp ứng mục tiêu đổi mới giáo dục ở trường phổ thông, các trường đại học cao đẳng sư phạm cần đổi mới chương trình theo định hướng tiếp cận năng lực mà trước hết phải xác định chuẩn năng lực đầu ra của sinh viên, từ đó mới xác định thời lượng, nội dung khối kiến thức phù hợp đảm bảo cho sinh viên ra trường đáp ứng được yêu cầu thực tiễn; đồng thời phương thức đào tạo cần chú trọng đến việc trải nghiệm thực tiễn giáo dục ở nhà trường phổ thông qua liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các trường phổ thông thực hành [1].

Hiện nay, chương trình đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm chưa cân đối giữa việc đào tạo kiến thức khoa học cơ bản với đào tạo nghiệp vụ giảng dạy và bồi dưỡng ý thức trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên. Với tính chất đặc thù của các trường sư phạm là trường đào tạo nghề thì thời lượng cho nội dung thực tập sư phạm chưa thực sự tương xứng và ít hơn rất nhiều với các quốc gia có nền giáo dục sư phạm phát triển. Ví dụ ở Anh, thời gian thực tập là 24 tuần nếu chương trình đào tạo là 3 năm; 32 tuần nếu đào tạo 4 năm; ở Pháp, Đức, Thổ Nhĩ Kỳ thời gian thực tập thường là 10 - 16 giờ/tuần [7]. Đây thực sự là những thách thức cho các cơ sở đào tạo giáo viên trong việc xây dựng và phát triển chương trình đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông hiện nay. Như vậy, có thể thấy điểm yếu trong chương trình đào tạo giáo viên của Việt Nam thể hiện sự hạn chế trong gắn kết đào tạo ở trường đại học với thực tiễn nghề nghiệp ở phổ thông.

Bên cạnh đó, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông, chương trình đào tạo không chỉ cập nhật, điều chỉnh để sinh viên đáp ứng được chuẩn năng lực nghề nghiệp của quốc gia (năng lực giáo dục; năng lực dạy học; năng lực đánh giá; năng lực phát triển nghề nghiệp; năng lực hoạt động xã hội; năng lực giao tiếp; năng lực tìm hiểu môi trường giáo dục; năng lực tìm hiểu người học; phẩm chất đạo đức nghề nghiệp) mà còn phải hướng đến chuẩn quốc tế, theo xu hướng dạy học của thế giới hiện nay. Ta thấy, chương trình đào tạo giáo viên theo chuẩn quốc tế của CIE (University of Cambridge International Examination - Đại học Khảo thí Cambridge) [4] tập trung vào phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cho giáo viên như:

- + Kỹ năng lập kế hoạch dạy học (chương trình học hoặc bài học) dựa trên cơ sở xác định nhu cầu, năng lực của học sinh, xác định mục tiêu học tập;
- + Kỹ năng triển khai dạy học tích cực (hỗ trợ việc học tập tích cực của người học);
- + Kỹ năng kiểm tra đánh giá kết quả học tập và kỹ năng đánh giá cải tiến việc dạy học.

EDUCATION

Các kỹ năng này giúp giáo viên thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh, thực hiện quy trình dạy học khoa học và chuyên nghiệp. Vì vậy, chương trình đào tạo của các trường đại học và cơ sở đào tạo giáo viên cần luôn cập nhật những yêu cầu mới, xác định được chuẩn đầu ra rõ ràng, học tập và vận dụng linh hoạt kinh nghiệm của quốc tế để có thể đào tạo được đội ngũ giáo viên có năng lực giáo dục và giảng dạy thế hệ trẻ thành những công dân toàn cầu.

Chương trình đào tạo hiện nay cũng chưa có những môn học, hoạt động cụ thể, chính thức để dẫn dắt đến những phẩm chất quan trọng của người giáo viên như tình yêu nghề, ý thức trách nhiệm trong công việc. Theo đó, thời lượng dành cho khối kiến thức đào tạo năng lực sư phạm và thực tập, thực tế chuyên môn đề xuất chiếm khoảng 50% trong tổng số chương trình đào tạo. Điều này giúp sinh viên có được những kiến thức và kinh nghiệm thực tế về chuyên môn, nghiệp vụ có thể đảm nhận tốt công việc giảng dạy ở trường phổ thông. Theo đó, trong quá trình thiết kế chương trình đào tạo các học phần và chuyên đề về dạy học tích hợp cũng phải được chú trọng nhằm giúp sinh viên tốt nghiệp ra trường có năng lực dạy học tích hợp và năng lực thiết kế các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh. Việc đổi mới mô hình và chương trình đào tạo của các trường sư phạm cần quan tâm đến yếu tố này.

2.2.2. Nghiên cứu, học tập mô hình đào tạo tiên tiến

Hiện nay công tác đào tạo giáo viên chính quy tại các trường sư phạm đang được thực hiện theo hai mô hình:

- + Mô hình song song truyền thống (concurrent education model);
- + Mô hình kế tiếp (consecutive education model).

Thực tiễn cho thấy, mỗi mô hình đều có những ưu thế riêng trong việc đào tạo giáo viên, việc thực hiện hai mô hình này sẽ tạo nên sự đa dạng trong phương thức đào tạo, hỗ trợ giáo viên phát triển năng lực nghề nghiệp và chuyên môn sư phạm, tăng thêm sự lựa chọn cho sinh viên muốn trở thành giáo viên và theo kịp xu thế chung của giáo dục đại học trên thế giới. Dễ nhận thấy, hiện nay mô hình đào tạo song song truyền thống đang được áp dụng phổ biến trong các trường/khoa sư phạm chuyên đào tạo giáo viên ở nước ta. Với mô hình này, quá trình đào tạo giáo viên được thực hiện trong 4 năm (cử nhân đại học) hoặc 3 năm (cử nhân cao đẳng), trong đó việc đào tạo khoa học cơ bản và đào tạo nghiệp vụ sư phạm sẽ được tiến hành đồng thời. Mô hình này có ưu thế là người học sớm xác định được được mục tiêu học tập là trở thành giáo viên và mục tiêu này liên tục được củng cố trong một môi trường sư phạm thuận lợi cho hình thành năng lực và nhân cách của các chuyên gia giáo dục.

Tuy nhiên, hạn chế của mô hình này là chậm chuyển đổi chương trình để thích ứng với thực tiễn.

Mô hình đào tạo kế tiếp là thực hiện khối kiến thức khoa học chuyên ngành trước sau đó mới thực hiện khối kiến thức về nghiệp vụ sư phạm. Mô hình này cũng có những ưu thế nổi trội trong việc đào tạo giáo viên có kiến thức chuyên môn vững vàng bởi những năm đầu, sinh viên được đào tạo như một cử nhân các chuyên ngành khoa học cơ bản. Tuy nhiên, điểm hạn chế của mô hình này là chủ yếu cung cấp kiến thức khoa học cơ bản và bổ sung một số kiến thức khoa học sư phạm như Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học bộ môn; thời lượng phân bổ cho các học phần về khoa học giáo dục, thực tập sư phạm chưa nhiều (tổ chức thực tập chỉ chiếm 3% nội dung đào tạo). Thực tế này chưa bảo đảm giáo sinh ra trường có đủ hiểu biết về hoạt động dạy và học, về kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ, khả năng dạy học và xử lý các tình huống sư phạm ở trường phổ thông. Những kiến thức, kỹ năng này chỉ có thể hình thành vững chắc ở giáo sinh nếu như họ được học ngay tại trường phổ thông. Vì thế, sinh viên sẽ phải mất thêm thời gian để hoàn thiện kỹ năng sau khi ra trường.

Mỗi mô hình đào tạo đều có ưu và hạn chế riêng, dù chọn mô hình đào tạo nào, song song hay kế tiếp thậm chí kết hợp cả hai mô hình thì vẫn cần đặc biệt quan tâm đến yếu tố gắn với thực tiễn phổ thông và rèn kỹ năng nghề bằng dạy học vì mô hình phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên.

Một vấn đề nữa của thực trạng đào tạo giáo viên hiện nay là chương trình đào tạo giáo viên sư phạm ở nước ta chỉ gói gọn trong 4 năm học tại các trường đại học sư phạm mà chưa quan tâm đến việc bồi dưỡng liên tục sau khi sinh viên ra trường. Việc đào tạo giáo viên phải là một quá trình liên tục, từ đào tạo trong trường đại học đến giai đoạn đầu mới vào nghề ở các trường phổ thông và đến việc bồi dưỡng thường xuyên. Các giai đoạn này phải được thực hiện liên tục tạo nên tổng thể thống nhất. Dù vậy, hiện nay việc đào tạo giáo viên mới chủ yếu tập trung ở giai đoạn đầu tiên – giai đoạn trong trường đại học còn hai giai đoạn sau hầu như chưa được chú trọng. Trong khi đó, ở nhiều quốc gia hiện nay, mô hình giáo viên phổ thông trực tiếp kèm cặp, hướng dẫn cho sinh viên ngành sư phạm, sinh viên vừa học vừa thực hành liên tục, đan xen giữa một buổi lên lớp với một buổi thực tập, thực tế ở trường phổ thông. Bằng cách này, cả giáo viên đã ra nghề và sinh viên đang học nghề đều được rèn luyện trong môi trường chuyên môn để trưởng thành.

2.2.3. Bồi dưỡng, phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên

Theo số liệu của Vụ Giáo dục Tiểu học và Vụ Giáo dục Trung học năm 2010: Cả nước có 25.926 trường

EDUCATION

Tiểu học và THCS; trong đó Tiểu học là 15.157 trường, THCS là 10.769 trường và có trên 17.000 GV dạy mỹ thuật. Nếu mỗi trường cần ít nhất một giáo viên Mỹ thuật thì con số trên là không đủ, chưa kể đến các trường có số lớp nhiều và các trường ở vùng núi và vùng khó khăn. Tuy nhiên đối với các trường còn thiếu giáo viên mỹ thuật, việc thực hiện chương trình môn Mỹ thuật vẫn được triển khai do các giáo viên chủ nhiệm và giáo viên kiêm nhiệm giảng dạy.

Từ thực trạng trên, muốn triển khai được đổi mới giáo dục thì công tác bồi dưỡng và đào tạo lại đội ngũ giáo viên một cách có hệ thống và chuẩn hoá là vô cùng cần thiết. Muốn vậy, cần khảo sát, đánh giá lại năng lực của giáo viên một cách chính xác, khách quan trên cơ sở đối chiếu với yêu cầu của chương trình giáo dục mới để thấy được cái đang cần, đang thiếu của giáo viên, từ đó xác định nội dung cần bồi dưỡng cho giáo viên và xây dựng chương trình bồi dưỡng cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Việc bồi dưỡng có thể tập trung vào một số vấn đề cơ bản sau:

- Hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho giáo viên theo chương trình phổ thông mới; cập nhật kết quả nghiên cứu mới và các nội dung mở rộng;
- Hướng dẫn thực hiện quy trình tổ chức dạy học khoa học và đặc thù của bộ môn, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn và tập trung vào phát triển năng lực học sinh.

Thực tế cho thấy, dù được đào tạo ở các trường sư phạm theo chương trình chung nhưng mức độ thành công của các giáo viên là không giống nhau; năng lực nghề nghiệp của các giáo viên cũng phân hoá khác nhau bởi qua quá trình công tác, phần lớn giáo viên thực hiện công việc dạy học theo kinh nghiệm, thói quen hoặc vì yêu cầu của nhà quản lý trực tiếp chứ chưa thực sự vì nhu cầu tự đánh giá cải tiến hay vì học sinh. Điều này không những làm hạn chế dần sự đổi mới, sáng tạo của mỗi giáo viên mà còn là yếu tố trở ngại cho việc đổi mới giáo dục nói chung, nhất là trong giai đoạn hiện nay lại càng cần sự đổi mới, sáng tạo của mỗi giáo viên, không chỉ trong tư duy mà còn cả trong thực tế dạy học. Vì vậy, việc đào tạo lại qua tập huấn, bồi dưỡng có vai trò rất quan trọng giúp các giáo viên từng bước hoàn thiện và phát triển năng lực chuyên môn của mình. Đây là công tác rất cần thiết và cần sự thống nhất từ nội dung, cách thức tập huấn cũng như sự phối hợp, hỗ trợ và thống nhất trong đánh giá của các cấp quản lý.

3. Kết luận

Chương trình môn Mỹ thuật được xây dựng trên nguyên tắc quán triệt các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, chương trình môn Mỹ thuật được xây dựng theo định hướng hình thành, phát triển phẩm chất và năng

lực của người học, giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực dựa trên kiến thức và kỹ năng mỹ thuật; nhận thức được mối quan hệ giữa mỹ thuật với đời sống, xã hội và các loại hình nghệ thuật khác.

Sự thay đổi của chương trình mới trên cơ sở kế thừa, phát huy những ưu điểm của chương trình hiện hành nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của xã hội về sự phát triển của giáo dục; đồng thời những điểm mới của chương trình về mục tiêu, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức và đánh giá cũng là vấn đề đặt ra cho các trường/khoa sư phạm trong việc rà soát, thay đổi chương trình đào tạo giáo viên nhằm đáp ứng được mục tiêu đã xác định của chương trình giáo dục phổ thông nói chung và chương trình giáo dục mỹ thuật nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Quang Báo (chủ biên) (2016), *Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr.41-42.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục Mỹ thuật*, Ban hành ngày 05/5/2006.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Sách giáo khoa môn mỹ thuật từ lớp 1 đến lớp 9*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Tài liệu tập huấn: Chương trình đào tạo và cấp bằng, chứng chỉ quốc tế của Đại học khảo thí Cambridge cho giáo viên và chuyên gia đào tạo*, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Những vấn đề chung về phát triển chương trình đào tạo giáo viên, Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (Tài liệu tập huấn cán bộ, giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên phổ thông về phát triển chương trình đào tạo*, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Dự thảo chương trình giáo dục Mỹ thuật*, Ban hành ngày 28/12/2018.
7. Songül Kilimci, *Teacher Training in Some EU Countries and Turkey: How similar are they? Procedia Social and Behavioral Sciences 1 (2009) 1975-1980.*